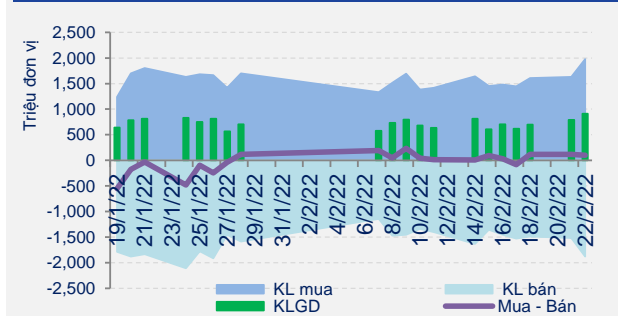
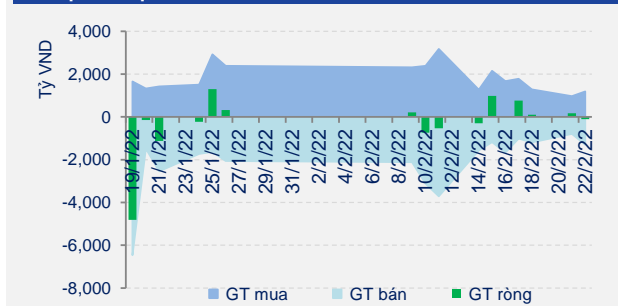


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/2/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,503.47	434.43
% Thay đổi	↓ -0.49%	↓ -1.49%
KLGD (CP)	908,054,288	120,743,574
GTGD (tỷ đồng)	28,236.85	3,685.61
Tổng cung (CP)	1,879,515,100	170,102,300
Tổng cầu (CP)	1,976,797,300	151,677,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,536,100	619,900
KL mua (CP)	28,144,500	877,400
GT mua (tỷ đồng)	1,193.44	25.16
GT bán (tỷ đồng)	1,302.33	25.04
GT ròng (tỷ đồng)	(108.89)	0.12

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.96%	21.3	3.5	0.8%
Công nghiệp	↓ -1.07%	22.9	3.3	15.3%
Dầu khí	↑ 3.45%	18.9	2.2	4.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.16%	-	11.4	5.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.39%	16.7	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.95%	18.9	3.8	8.3%
Ngân hàng	↑ 0.43%	12.6	2.4	16.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.85%	9.9	2.3	12.0%
Tài chính	↓ -1.56%	24.5	3.4	32.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.40%	18.9	2.9	3.6%
VN - Index	↓ -0.49%	17.6	3.2	
HNX - Index	↓ -1.49%	23.3	3.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Căng thẳng chính trị giữa Nga và Ucraina lại leo thang trong đêm qua khiến các thị trường chứng khoán trên thế giới đồng loạt đổ lửa. Ngoại trừ thị trường Mỹ nghỉ lễ ngày 21/2 dịp President Day. Và cũng không là ngoại lệ khi áp lực bán gia tăng mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam vào buổi sáng hôm nay. Rất may là cầu bắt đáy khá tốt quanh vùng hỗ trợ 1.485 điểm (MA20-50) đã giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 7,37 điểm (-0,49%) xuống 1.503,47 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 319 mã giảm (5 mã giảm sàn), 30 mã tham chiếu, 147 mã tăng (14 mã tăng trần). Cổ phiếu ngân hàng có sự quay trở lại vào cuối phiên để làm "người hùng" cứu thị trường khỏi một phiên giảm mạnh với hàng loạt cổ phiếu tăng khá tốt như MBB (+5,4%), NVB (+3,3%), BID (+1,7%), STB (+1,5%), BVB (+1,5%), TPB (+1,5%), PGB (+1,5%), VAB (+1,3%)... Các cổ phiếu nhóm ngành bán lẻ cũng bật tăng khá tốt, có lẽ kỳ vọng vào sự hồi phục của doanh số bán lẻ cả nước khi mở cửa trở lại nền kinh tế, có thể kể đến như MWG (+2,8%), PNJ (+3,3%), FRT (+6,9%), HAX (+4,3%), PET (+7%)... Nhóm dầu khí hưởng lợi từ đà tăng của giá dầu thế giới và đã tăng khá tốt trong phiên hôm nay như PVS (+3,8%), PLX (+3,5%), BSR (+1,5%), PVD (+2,7%), PSH (+7%), OIL (+3,3%), PVC (+6,6%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu bất động sản và xây dựng bị bán mạnh khiến nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn, có thể nhắc đến DIG (-6,9%), CEO (-9,9%), LDG (-6,8%), DRH (-7%), VRC (-6,9%), VCG (-3%), HBC (-2,4%), ROS (-2,3%), FCN (-4,1%), LCG (-4,4%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Trên góc độ kỹ thuật, thị trường có một phiên test hỗ trợ cả ngắn hạn và trung hạn quanh 1.485 điểm (MA20-50) khá tốt để bật lên từ đây. Từ mức giảm 26 điểm, thị trường kết phiên chỉ còn giảm hơn 7 điểm. Thêm nữa là việc thanh khoản trong phiên hôm nay có sự gia tăng so với phiên trước đó và là phiên thứ hai liên tiếp cao hơn mức trung bình. Điều này cho thấy lực cầu bắt đáy ở quanh hỗ trợ là khá tốt. Nếu không có những diễn biến bất ngờ trong đêm nay thì chúng tôi kỳ vọng trong phiên giao dịch tiếp theo 23/2, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và có thể canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng giá 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và mạnh lên sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.484,81 điểm. Về chiều, lực cầu bắt đáy gia tăng giúp chỉ số thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 7,37 điểm (-0,49%) xuống 1.503,47 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 1.600 đồng, MSN giảm 2.800 đồng, DIG giảm 6.600 đồng. Ở chiều ngược lại, MBB tăng 1.750 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu phiên cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 430,64 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, HNX-Index giảm 6,56 điểm (-1,49%) xuống 434,43 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 7.300 đồng, THD giảm 2.200 đồng, L14 giảm 37.000 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 1.000 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 108,89 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6,4 triệu cổ phiếu. PLX là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 63,3 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NVL với 36 tỷ đồng tương ứng với 463 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DXG là mã được mua ròng nhiều nhất với 78,7 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 120,68 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 257,5 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,1 tỷ đồng tương ứng với 304 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PLC với 4,3 tỷ đồng tương ứng với 97 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,4 tỷ đồng tương ứng với 353 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực bán tương đối mạnh, nhưng lực cầu bắt đáy gia tăng quanh hỗ trợ 1.485 điểm (MA20-50) vẫn là khá tốt đã giúp thị trường thu hẹp mức giảm.

Góc nhìn chủ đạo về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott áp dụng trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay (-0,49%) thì chỉ số VN-Index vẫn kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và trong thời gian tới, chỉ số này có thể hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 1.485 điểm (MA20-50).

Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/2, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Việt Nam đã mở lại đường bay đến 20 quốc gia, vùng lãnh thổ

Hiện Việt Nam đã nối lại đường bay quốc tế đi và đến 20 quốc gia và vùng lãnh thổ, ít hơn 8 đường bay so với thời điểm chưa có dịch Covid-19.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 62,95 - 63,65 triệu đồng/lượng, tăng 450.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 22/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.130 VND/USD, giảm 3 đồng so với hôm qua.

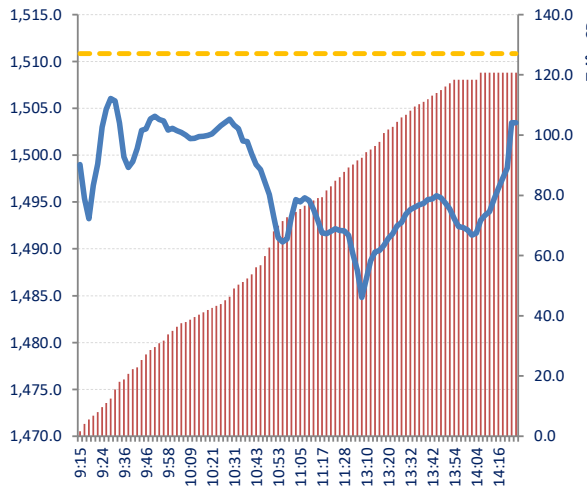
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,6 USD/ounce tương ứng với 0,13% lên 1.902,7 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,055 điểm tương ứng 0,06% xuống 95,968 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1334 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3596 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,78 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 4,29 USD/thùng tương ứng với 4,76% lên 94,44 USD/thùng.

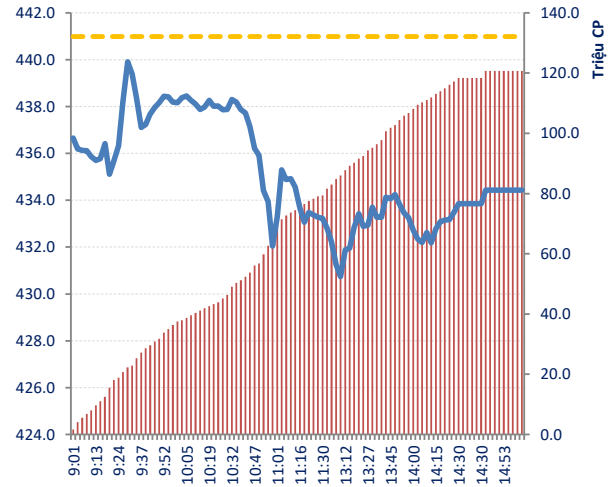
Chứng khoán Mỹ nghỉ lễ

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

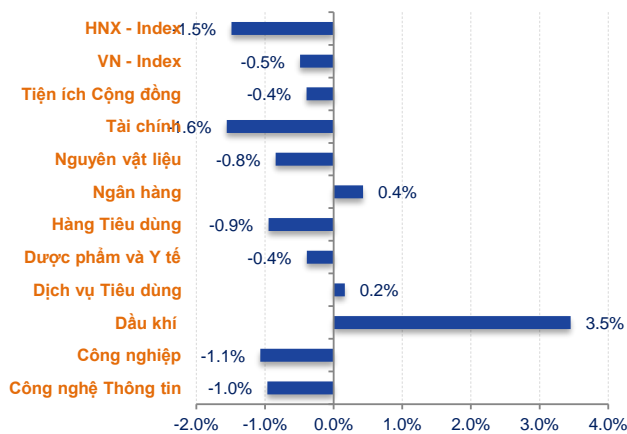
KLGD và VN-Index trong phiên



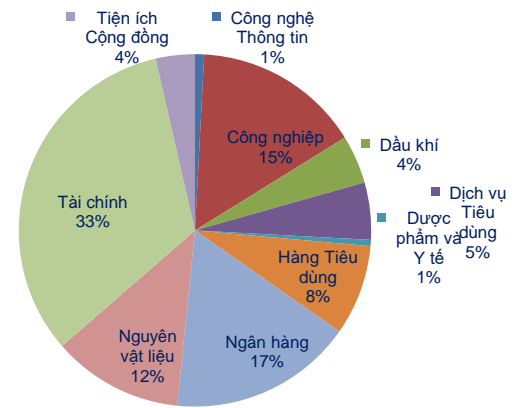
KLGD và HNX-Index trong phiên



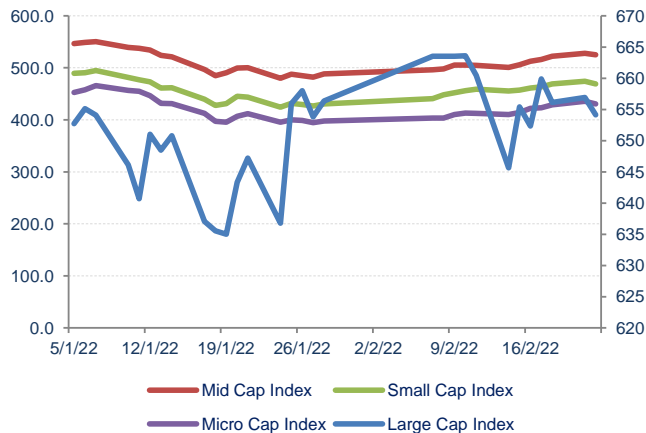
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



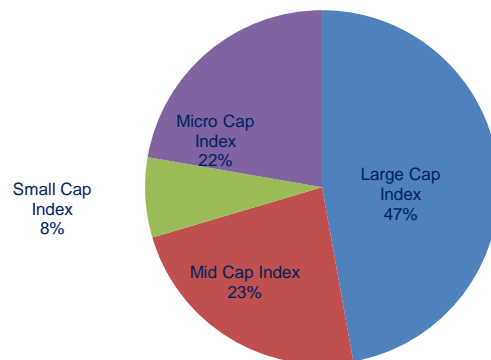
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	2,035,200	FLC	1,100,700
2	HPG	1,077,000	PLX	1,019,700
3	GMD	1,022,400	POW	896,100
4	VHM	756,000	HQC	519,100
5	KDH	518,400	CII	518,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	304,300	TNG	353,400
2	VKC	146,500	NSH	49,700
3	PLC	97,000	OCH	45,700
4	SCI	51,300	THD	45,200
5	NDN	41,400	DHT	20,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	32.65	34.40	↑ 5.36%	38,271,700
POW	18.40	17.80	↓ -3.26%	37,357,500
FLC	13.10	12.75	↓ -2.67%	31,292,100
CII	33.35	33.70	↑ 1.05%	24,458,800
STB	33.20	33.70	↑ 1.51%	24,415,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.10	30.20	↑ 3.78%	17,917,870
CEO	73.60	66.30	↓ -9.92%	14,956,052
KLF	6.40	6.30	↓ -1.56%	6,410,099
SHS	43.70	42.90	↓ -1.83%	5,548,645
BII	12.40	12.90	↑ 4.03%	5,022,272

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PET	45.00	48.15	3.15	↑ 7.00%
PSH	24.30	26.00	1.70	↑ 7.00%
ASP	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%
PDN	96.20	102.90	6.70	↑ 6.96%
PGD	35.30	37.75	2.45	↑ 6.94%

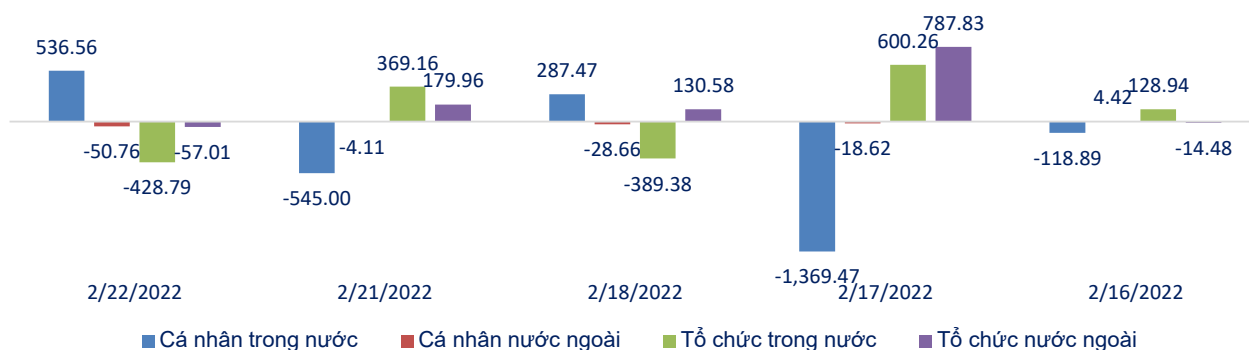
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMT	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
VNT	63.00	69.30	6.30	↑ 10.00%
SPI	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
PHN	36.10	39.70	3.60	↑ 9.97%
PBP	25.60	28.10	2.50	↑ 9.77%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DRH	25.75	23.95	-1.80	↓ -6.99%
NHA	66.00	61.40	-4.60	↓ -6.97%
DIG	95.00	88.40	-6.60	↓ -6.95%
VRC	39.00	36.30	-2.70	↓ -6.92%
LDG	20.65	19.25	-1.40	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VGP	28.00	25.20	-2.80	↓ -10.00%
LUT	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
CEO	73.60	66.30	-7.30	↓ -9.92%
DPC	27.50	24.80	-2.70	↓ -9.82%
CKV	21.20	19.20	-2.00	↓ -9.43%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	96.72	-4.2%	(1,427)	-	0.9
PLX	71.77	10.8%	2,258	26.5	2.7
APH	61.66	1.1%	224	127.5	1.2
MBB	59.87	22.6%	3,361	9.7	2.0
MWG	57.53	27.3%	6,895	19.4	4.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-156.04	10.3%	1,942	20.3	1.8
GMD	-55.21	8.9%	2,007	25.5	2.2
HPG	-36.95	46.0%	7,708	6.1	2.3
KDH	-27.01	13.1%	1,931	28.1	3.4
VHM	-21.81	35.3%	9,036	8.9	2.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	3.92	4.4%	578	58.9	2.5
STB	2.38	10.8%	1,855	17.9	1.8
VHM	1.99	35.3%	9,036	8.9	2.6
VIC	1.80	-1.9%	(717)	-	2.0
ELC	1.72	5.6%	950	24.9	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	-11.87	10.8%	2,258	26.5	2.7
SSI	-6.40	13.0%	1,382	33.3	3.3
NLG	-6.30	10.5%	3,155	17.5	1.6
E1VFN30	-4.85	N/A	N/A	N/A	N/A
PNJ	-4.81	18.3%	4,543	23.4	4.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	77.36	10.3%	1,942	20.3	1.8
DGC	38.01	45.9%	13,963	10.9	5.1
FLC	34.12	0.7%	119	110.1	1.0
NKG	16.31	50.0%	10,423	3.9	1.6
CTG	14.07	15.7%	2,932	11.7	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-79.31	-4.2%	(1,427)	-	0.9
MBB	-58.86	22.6%	3,361	9.7	2.0
MWG	-57.53	27.3%	6,895	19.4	4.7
APH	-55.94	1.1%	224	127.5	1.2
ACB	-48.26	23.9%	3,554	9.7	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	79.64	10.3%	1,942	20.3	1.8
VHM	57.74	35.3%	9,036	8.9	2.6
GMD	52.24	8.9%	2,007	25.5	2.2
HPG	51.51	46.0%	7,708	6.1	2.3
KDH	27.97	13.1%	1,931	28.1	3.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	-51.87	10.8%	2,258	26.5	2.7
NVL	-35.94	8.8%	1,695	46.3	3.7
FRT	-26.99	30.6%	5,618	19.3	5.1
DGC	-23.29	45.9%	13,963	10.9	5.1
VCB	-23.09	21.3%	4,629	18.9	3.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	38,271,700	22.6%	3,361	9.7	2.0
POW	37,357,500	3250.0%	760	24.2	1.3
FLC	31,292,100	0.7%	119	110.1	1.0
CII	24,458,800	-4.2%	(1,427)	-	0.9
STB	24,415,700	10.8%	1,855	17.9	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,917,870	4.7%	1,260	23.1	1.1
CEO	14,956,052	2.7%	362	203.3	5.4
KLF	6,410,099	0.4%	40	158.4	0.6
SHS	5,548,645	25.5%	2,899	15.1	2.2
BII	5,022,272	5.4%	567	21.9	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	↑ 7.0%	14.3%	2,974	15.1	2.2
PSH	↑ 7.0%	18.4%	2,511	9.7	1.7
ASP	↑ 7.0%	6.4%	867	14.9	1.0
PDN	↑ 7.0%	23.4%	8,681	11.1	2.6
PGD	↑ 6.9%	18.7%	2,823	12.5	2.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMT	↑ 10.0%	3.2%	404	42.0	1.3
VNT	↑ 10.0%	5.7%	926	68.0	3.8
SPI	↑ 10.0%	4.0%	365	27.4	1.1
PHN	↑ 10.0%	27.0%	4,194	8.6	2.4
PBP	↑ 9.8%	9.2%	1,209	21.2	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2,035,200	10.3%	1,942	20.3	1.8
HPG	1,077,000	46.0%	7,708	6.1	2.3
GMD	1,022,400	8.9%	2,007	25.5	2.2
VHM	756,000	35.3%	9,036	8.9	2.6
KDH	518,400	13.1%	1,931	28.1	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	304,300	4.7%	1,260	23.1	1.1
VKC	146,500	1.0%	125	89.9	0.9
PLC	97,000	12.0%	1,940	23.3	2.7
SCI	51,300	32.5%	5,344	5.9	1.9
NDN	41,400	23.2%	3,289	5.7	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	413,622	21.3%	4,629	18.9	3.7
VHM	348,349	35.3%	9,036	8.9	2.6
VIC	318,845	-1.9%	(717)	-	2.0
BID	228,898	12.7%	2,090	21.7	2.7
GAS	221,635	17.1%	4,531	25.6	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	61,880	21.8%	2,805	63.0	9.8
KSF	33,000	9.1%	1,387	79.3	5.5
IDC	22,080	9.6%	1,508	48.8	4.7
CEO	18,940	2.7%	362	203.3	5.4
VCS	17,232	40.6%	11,096	9.7	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.98	-2.8%	(310)	-	0.7
SJF	3.20	2.2%	231	54.1	1.2
IDI	3.06	4.5%	600	26.3	1.1
SGR	3.04	4.7%	566	55.8	2.7
HAR	2.99	3.3%	361	28.8	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.08	7.0%	343	42.3	2.9
CEO	2.32	2.7%	362	203.3	5.4
ART	2.24	0.1%	16	698.0	1.0
SDA	2.16	10.4%	916	27.2	2.5
L18	2.01	6.7%	877	77.4	4.8



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
